

## ***Một Ngộ Nhận Gián Tiếp Miệt Thị Tổ Tiên***

Khoa học đã minh chứng người “Việt cổ” thời Văn Hóa Hòa Bình đã thực hiện cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay 8.000 - 9.000 năm, đồng thời xây dựng nếp sống **tương nhượng** quần cư **hài hòa trong xóm làng**, với triết lý xem mọi người như người thân ruột thịt trong gia đình qua cách xưng hô có một không hai trên thế giới đầy tính gia đình chan chứa tính người và tình người, và truyền thống nhân bản và nhân chủ đặc thù thì thời buổi đó Thái tử Tất Đạt Đa, ông Khổng Tử và ông Lão Tử chưa sinh ra đời. (1)

Định cư, **sống ổn định lâu đời ở một nơi** để trồng trọt, **trồng lúa nước**, đương nhiên xóm làng được hình thành, dần dần **tình hàng xóm láng giềng nảy sinh**, xây dựng nếp sông tương nhượng và hài hòa để thăng hoa cuộc sống và con người.

Tiến trình canh tác lúa nước được chia ra nhiều công đoạn, nhiều công việc riêng biệt trong cùng một lúc, đôi khi cần chống hạn hoặc phòng lụt một gia đình, một xóm không thể làm xong xuôi đầy đủ kịp thời vụ. Muốn làm tốt mùa màng **nông dân cần phải giúp đỡ lẫn nhau**; dần dần **nếp sống đối công/vân công hình thành** và trở thành tập quán “có việc thì đến hết việc thì đi”. Tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái cũng phát sinh từ đó. **Tình người** càng ngày càng thấm thiết.

Trong trường hợp cần chống hạn hoặc lụt, toàn dân làng hoặc hai ba làng phải dốc toàn lực, sát cánh đối phó ngày đêm dưới sự điều động của những người có kinh nghiệm trong làng. **Ý thức cộng đồng** từ đó manh nha, đặt cơ sở phát triển cho **ý thức dân tộc** vốn đã nhen nhúm trong sự gắn bó của nông dân với ruộng đất và làng mạc, cũng như mối liên hệ thiêng liêng nối liền các thế hệ qua **tục thờ cúng tổ tiên**.

Mặt khác, sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đòi hỏi nông dân phải có một **tinh thần kỷ luật tự giác** và **cộng tác** cao, cũng như phải có **ý thức trách nhiệm chung**. Sơ xảy một chút, để ruộng thiếu nước hoặc úng nước, là có thể đưa đến mất mùa, đói kém (2).

Trong lúc đó, **tiền thân của dân tộc Hán** (3) đang sống **nếp sống du mục**, chăn nuôi theo bầy đàn, lang thang trên các thảo nguyên ở phía Tây Bắc sông Hoàng Hà. Chăn nuôi theo bầy đàn thường phải đánh đập la hét. Điều đó giải thích **tính khắc nghiệt** trong quan hệ giữa người với người ở Tây Phương và phía Bắc Trung Quốc, họ thường giết để loại bỏ các con vật bệnh - tật không theo kịp bầy đàn, và chém giết nhau, tranh giành từng bãi cỏ, từng vũng nước. Từ đó nảy sinh **tính hiếu chiến**, tinh thần độc tôn độc hữu (Xem văn hóa nông nghiệp và văn hóa du mục ở phần sau).

Dưới ánh sáng mới của khoa học, với tâm Việt hồn Việt, chúng ta dễ dàng nhận thấy những điều trên. Hầu hết các học giả trên thế giới đều nhận ra được điều đó. Trong khi đó, một số sử gia và khoa bảng Việt Nam lại dốc lòng tin vào những tài liệu sử sách Trung Quốc đến độ nghi ngờ và thậm chí phản bác cả các tài liệu do khoa học khám phá trong những thập niên cuối thế kỷ 20 và những năm đầu thế kỷ 21.

Cho nên, có nhiều khoa bảng Việt Nam, vẫn không thay đổi nổi cái nhìn, còn nghĩ và viết về văn hóa Việt, với tinh thần nô lệ tư tưởng Tàu, như các học giả ở thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

Đại diện cho trường phái vong bản này nguyên là giáo sư Đại Học Vạn Hạnh và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, chuyên soạn sách giáo khoa và viết sách về văn hóa Việt Nam đã viết:” Truyền thống văn hóa dân tộc **lấy nhân ái đạo Khổng và từ bi đạo Phật làm đầu trong đạo làm người sống ở thế gian**, hòa mình vào cuộc sống chung với mọi người”... “**Nguồn gốc văn hóa Việt Nam là Tam giáo** gồm có Khổng giáo, Phật giáo và Lão giáo, nhưng sinh hoạt văn hóa của dân tộc không phải là bản chụp của tam giáo. **Dù vậy**, muốn biết cái cây hay con sông **cần phải xét cội nguồn**. Muốn tìm hiểu sinh hoạt văn hóa Việt Nam **cần phải xét đến nguồn gốc tam giáo** và tác động của tam giáo đối với nếp sống của dân ta. **Văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ tam giáo”**.

Phải chăng nghĩ và viết như thế là gian tiếp cho rằng trước khi tam giáo du nhập vào Việt Nam, tổ tiên chúng ta **không có lòng nhân ái, không biết thương người, không có lòng vị tha?**

Phải chăng nghĩ và viết “văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ tam giáo” là khinh miệt, coi thường tổ tiên? Miệt thị tổ tiên là phạm đại tội không thể dung thứ được.

Phải chăng nghĩ và viết như thế là cho rằng trước khi tam giáo du nhập vào Việt Nam, người Việt cổ, Tổ Tiên chúng ta không có đạo lý làm người, sống người không ra người sao? Sống như loài vật sao? Vì chỉ có loài vật mới không có văn hóa.

Đại đa số khoa bảng Việt Nam, nói về nguồn là về với Trung Hoa hay Ấn Độ, nghĩa là về với tam giáo (Nho - Lão - Phật). **Họ không đi xa nổi hơn nữa**. Tại sao?

Đại đa số khoa bảng Việt Nam, và một số người Việt học đòi theo khoa bảng thường **mắc căn bệnh tư tưởng vọng ngoại** đến độ **không còn tâm Việt, hồn Việt** hay tinh thần khoa bảng mất gốc, tỏ ra mình “thông kim bác cổ” nên thường nệ vào sách vở kinh điển, nào là theo Nho Giáo, Phật Giáo, Lão Tử rồi Descartes, Bergson, Jame Dewey, Hegel, v...v .... Theo Khổng Tử thì thế này; theo Phật giáo thì thế kia, hồn nhiên, chân thật và mộc mạc thì phải nói thuần phát như Lão Tử đã dạy, v...v..., biểu lộ cái bản năng vọng ngoại. Họ quên rằng người Việt “thời văn hóa Hòa Bình” nơi xảy ra cuộc cách mạng văn hóa trồng lúa nước, nông dân

đã xây dựng được nếp sống tương nhượng, quần cư hài hòa trong xóm làng (như đã trình bày ở trên) thì các ông thánh nói trên chưa có mặt trên trái đất.

Họ cũng quên rằng dân tộc “TÍNH”, dân tộc “TÌNH” và dân tộc “CHÍ của mỗi dân tộc hoàn toàn do dân tộc ấy hun đúc, rèn luyện nên.

Dân Tộc “TÍNH - TÌNH - CHÍ” thường phản chiếu, điều hợp với hoàn cảnh môi sinh và lịch sử xã hội thời đại mà cha truyền con nối, **trở thành bản sắc đặc thù** của dân tộc. Như vậy, mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc đều có văn hóa riêng. Phải chăng nói “văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ tam giáo” là phạm đại tội đối với dân tộc?

Họ cũng quên rằng khi giao lưu văn hóa, nhiều vấn đề tưởng là du nhập, bắt chước, học hỏi...nhưng thực ra chỉ là hội nhập phù hợp bản chất của dân tộc.

Riêng sự giao lưu văn hóa giữa Việt và Tàu có nhiều vấn đề vô cùng phức tạp và nhiều khê như đã trình bày và ở những bài trong phần sau.

Về nguồn không thể ngừng ở tam giáo. Cuối thời đại văn hóa Đông Sơn, **thời đại tam giáo chưa du nhập vào Việt Nam**, Thục Phán (vua nước Âu Lạc) lãnh đạo người dân Việt Nam kiên trì chiến đấu lâu dài trong hàng chục năm ròng, chủ tướng Đồ Thư bị giết, quân xâm lăng phải rút về Tàu.

Lúc đó ai dạy dân tộc Việt Nam yêu nước, đoàn kết quyết tâm bảo vệ gia đình, đồng ruộng, xóm làng và đất nước? Ai dạy dân Việt Nam đạo làm người, tình nghĩa cha con, mẹ con, vợ chồng, lòng hiếu thảo, tình hàng xóm láng giềng? Chắc chắn không phải tam giáo.

Trở về nguồn cũng không phải trở về văn hóa Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước, thời đại ông Khổng Tử và Thái Tử Tất Đạt Đa chưa có mặt trên trái đất.

Phải đi xa, xa hơn nữa, vượt qua **văn hóa Bắc Sơn**, với cái rìu Bắc Sơn nổi tiếng trên thế giới, đến tận nền văn hóa **Hòa Bình muộn** (12.000 - 10.000 năm trước Tây lịch) nơi xảy ra cuộc **cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước** (Ryza Sativa, cây lương thực trọng yếu của loài người) cách nay 6000 - 7000 ngàn năm, nơi nảy sinh xóm làng (xã thôn tự trị) với tình hàng xóm láng giềng do lối sống (định cư) cách làm ăn (trồng lúa nước) và môi trường sống tạo nên.

Từ những hiểu biết qua kinh nghiệm sống (hiểu nghiệm) trong nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời - nếp sống **tương nhượng** quần cư **hài hòa** trong xóm làng, tinh thần thực tiễn, tập tục có việc thì đến, hết việc thì đi, tính hiếu hòa, tinh thần tương trợ, tương thân tương ái, nếp sống trọng tình nghĩa - bước vào ngôi nhà **tâm linh**, đến tận nguồn gốc văn hóa Việt - Thiên thư vô ngôn của Trời Đất, nơi chứa đựng những yếu tố tinh anh/tinh ròng (hằng

số) của văn hóa Việt, nền tảng của triết lý sống Việt (Đạo sống Việt). Chỉ từ cái gốc uyên nguyên đó, ý thức tự chủ và sáng tạo sẽ trở thành suối nguồn, nội lực vô biên để **lòng cảm nhận thiên nhiên** (Thiên thư vô ngôn của Trời Đất), ngõ hầu tâm linh người Việt Nam phát triển, thăng hoa, uy dũng như rồng và nhân ái như tiên, góp phần xây dựng tư tưởng thời đại mới, trong xu thế toàn cầu hóa để kiến lập nền văn hóa mới: nền văn hóa dân tộc hòa bình nhân bản qua lăng kính nhân chủ và dân chủ mang tính khai phóng và dung hóa trong giao lưu, nối vòng tay với văn minh khoa học kỹ thuật, mang lại yên vui thanh bình cho nhân loại.

Khi cái gốc **triết lý sống nhân bản được phục hồi**, ở vị trí trung tâm “thế giới tư tưởng” và tâm thức Việt Nam (thống nhất tri thức và tâm thức) thì **cây tư tưởng dân tộc** sẽ lại được hồi sinh (xem cội nguồn tư tưởng Việt - Tủ sách Việt Thường). Chỉ có **“sống thực”** mới ý thức tự chủ và sáng tạo, không nệ cổ, đầu óc không bị điều kiện hóa. Với tâm Việt, hồn Việt, người Việt Nam mới có khả năng nhận ra được **cốt lõi của văn hóa Việt** (Đạo sống Việt) đang bị những lớp sơn văn hóa Bắc Mỹ, Tây phương, Trung Hoa, Ấn Độ và Đông Nam Á che lấp.

Vì ngừng lại ở tam giáo, không dám hoặc không có khả năng đi xa hơn nữa, nên một tác giả đã viết: **“Ngày hôm nay, dù thương hay ghét, khen hay chê, bênh vực hay chống, nhưng chúng ta không thể phủ nhận một thực tại lịch sử văn hóa Nho giáo trong từng dòng máu của dân tộc Việt.** Chính lộ trình quá khứ này là một trong những yếu tố đã un đúc tiền nhân, cha ông ta để ngày hôm nay **chúng ta có một tổ quốc:** Tổ quốc Việt Nam”.

Phải chăng nghĩ và viết như thế là gián tiếp cho rằng các tộc Bách Việt (các sắc dân không phải là người Trung Hoa) ở Quý Châu, Vân Nam, Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây **vì không có văn hóa Nho giáo chảy trong dòng máu**, nên họ mất nước và trở thành người Tàu?

Trái lại, theo tác giả nói trên, ngày nay chúng ta có một tổ quốc Việt Nam là **nhờ có văn hóa Nho giáo chảy trong dòng máu** của người dân Việt !!!.

Tác giả còn khẳng định rằng “chúng ta không thể phủ nhận chính trong những ràng buộc khởi đi từ tinh thần Nho giáo, **đã nảy sinh ra tình người, tình gia đình, tình xóm giềng** mà đến ngày nay, dầu đã qua đầu thế kỷ 21, làng xã Việt Nam ở nông thôn vẫn tiếp tục duy trì các truyền thống **từ đạo Nho**”.

Nghĩ và viết như thế là cho rằng không có Nho giáo là Tổ tiên chúng ta không có tình người, không có tình gia đình, tình xóm giềng.

Phải chăng viết như thế là cho rằng tổ tiên chúng ta là những người man dã, lạc hậu không có văn hóa; khác nào những con vật, vì chỉ có loài vật mới không có văn hóa?

**Một người thật sự còn tâm Việt, hồn Việt không thể nào viết sách với những suy nghĩ và cái nhìn miệt thị tổ tiên:** “Khởi đi từ tinh thần Nho giáo, đã nảy sinh ra tình người, tình gia đình, tình xóm giềng....”

Một dân tộc thực hiện được cuộc cách mạng trồng lúa nước (mà nông nghiệp là khởi đầu văn minh nhân loại), xây dựng nếp sống **tương nhượng** quần cư **hài hòa** trong xóm làng, với nếp sống **tương trợ** và tập tục đổi công/ Vẫn công trên đồng ruộng, tinh thần có việc thì đến hết việc thì đi, tình nghĩa trong ứng xử, **mà phải đợi hai, ba ngàn năm sau Nho giáo du nhập** vào Việt Nam để dạy tổ tiên chúng ta tình người, tình gia đình, tình xóm làng, đạo làm người sao?

Mấy ngàn năm sau cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước, người ta quên một sự kiện vô cùng quan trọng là từ TẦN (221 - 206 trước Tây lịch) và Hán (206 trước Tây lịch) trở về sau khi Trung Quốc đã thôn tính xong lưu vực Trường Giang rồi Châu Giang...thì nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ở phương Nam **được chồng lên** nền văn hóa nông nghiệp trồng khô của Hoa Bắc và hội nhập vào văn minh Trung Quốc. Trung Quốc đã **“chữ nghĩa hóa”** (nhờ ưu thế văn tự) nhiều thành tựu văn hóa của phương Nam làm của mình. Văn hóa phương Bắc là **văn hóa chữ nghĩa**, văn hóa phương Nam là **văn hóa truyền miệng**.

Về sau, qua sách vở Trung Quốc, người Việt học lại nhiều điều vốn là kinh nghiệm, ký ức của tổ tiên mình nhưng đã qua sự sửa đổi, khái niệm hóa của các triết gia Trung Quốc.

Mặt khác, như đã trình bày khi giao lưu văn hóa, nhiều vấn đề tưởng là du nhập, bắt chước, học hỏi... nhưng thật ra chỉ là hội nhập phù hợp bản chất của dân tộc.

Nói cách khác, văn hóa Việt Nam là văn hóa được xây dựng trên **kinh nghiệm đời sống thực tiễn**, đời sống quần cư hài hòa trong xóm làng, với nghề **trồng lúa nước** ổn định lâu đời.

Định cư hài hòa trong xóm làng để trồng lúa nước là đời sống thực tiễn của nông dân Việt.

“**Định cư**” thì **tình gia đình** trở nên càng thấm thiết, nồng nàn một cách hồn nhiên trong sáng. “Quần cư trong xóm làng lâu đời” nảy sinh tính tương nhượng, thích nghi và **tinh thần hài hòa** (hòa cả làng). Từ đó phát sinh tình hàng xóm láng giềng nói riêng, **tình người** nói chung.

Vì cách làm ăn (trồng lúa nước) bắt buộc phải sống chung -không sống quần cư hài hòa, không trồng lúa nước được - do đó nông dân trồng lúa nước **phải tự tìm cách chung sống hài hòa** trong làng xóm để **hỗ trợ, phụ giúp nhau** làm mùa trên đồng ruộng.

Như vậy tính tương nhượng, thích nghi, tinh thần hài hòa, tình hàng xóm láng giềng và tình người do lối sống (định cư), cách làm ăn (trồng lúa nước) và môi trường, nghĩa là **từ thực tế của đời sống**, hun đúc, rèn luyện cho nông dân Việt (nông dân trồng lúa nước), chứ không do một triết gia nào đó nghĩ ra chỉ dạy.

“**Trồng lúa nước**” thì phải hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong công việc đồng áng, mới kịp thời vụ như cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ dại, bón phân, gặt hái, v...v...Từ đó nảy sinh **tinh thần tương trợ**, tương thân tương ái, tập tục đổi công /vần công “**nay người mai ta**”. “Nay người mai ta” đưa đến tinh thần có việc thì đến hết việc thì đi, tình hàng xóm láng giềng và “**tình người**” càng ngày càng trở nên khăng khít thân mật, đậm đà hơn. Đạo lý của Việt Nam là “**thương người như thể thương thân**”.

Về bản chất, **văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa xóm làng**, văn hóa trồng lúa nước. **Văn hóa Trung Quốc là văn hóa chữ nghĩa**, được các “**Tử**” (triết gia) Trung Quốc nghĩ ra (lập thuyết) để cứu đời, cứu xã hội, chiến tranh triền miên thời Xuân Thu Chiến Quốc, phải đổi con cho nhau mà ăn (dịch tử nhi thực), cái xã hội mà con người ta thích đánh nhau, giới quý tộc càng ngày càng thích giết người, có khi chặt đầu cả chục ngàn người, trong thời gian chưa đầy hai thế kỷ, có tới 36 vụ giết vua(4). Đại tướng Bạch Khởi đời Tần, một lần chôn sống hơn 40 vạn **tù binh**. Cái xã hội mà người ăn thịt lẫn nhau không biết đã xuất hiện đến mấy chục lần hay mấy trăm lần. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta là một dân tộc có văn minh cao, sao lại có thể có cái hành vi dã man ấy? (5)

Một học giả người Mỹ, không có tâm Việt, hồn Việt, chỉ với tinh thần khách quan, và đầu óc không bị điều kiện hóa bởi tam giáo cũng có được cái nhìn khá chân xác về văn hóa Việt. Ông ta đã ví văn hóa Việt Nam như một cây gậy, nhìn bề ngoài thấy phủ một lớp Tây mỏng; cạo lớp sơn ấy đi, vẫn thấy phủ một lớp Tàu có phần dày hơn; song cạo tiếp lớp sơn Tàu ấy nữa, thì lộ ra cốt lõi cây gậy tre Việt Nam.

Thật ra, còn một lớp sơn Ấn Độ (Phật giáo) cũng khá dày mà học giả không đề cập đến. Có người lại ví văn hóa Việt Nam là ly cà phê, gồm có cà phê (Tàu - Nho giáo) sữa (Ấn Độ - Phật giáo) ca - cao và bơ (Tây phương - Bắc Mỹ). Khi thưởng thức ly cà phê, người không có cảm nhận sâu sắc thì chỉ thấy mùi vị cà phê, sữa, bơ và ca cao, nhưng trên thực tế, nếu không có nước sôi tinh khiết (tinh túy của văn hóa Việt), chắc chắn không thể có ly cà phê với mùi vị thơm ngon đậm đà.

Thật ra, vấn đề không thể đơn giản như thế. Như đã trình bày trong giao lưu văn hóa nhiều vấn đề tưởng như là “**du nhập**”, bắt chước, học hỏi... nhưng thực ra là “**hội nhập**” một cách hài hòa, vì nó phù hợp với bản chất dân tộc.

Nói cách khác, Nho giáo, Phật giáo khi “**hội nhập**” với văn hóa Việt Nam chỉ “**chữ nghĩa hóa**”, công thức hóa, hệ thống hóa những gì Việt Nam đang “**có**” và đã “**sống**”

**với nó từ trước.** Chẳng hạn, theo giáo lý duyên khởi của Phật giáo thì Đức Phật dạy rằng “Ai thấy duyên khởi là thấy Pháp, ai thấy Pháp là thấy Phật” thấy Phật quả là sự giác ngộ tối thượng.

Người nông dân trồng lúa nước nào mà không biết rằng **cây lúa tốt tươi** trên đồng ruộng là **nhờ “nước, phân, cần, giống”**, thời tiết, ánh sáng mặt trời v...v... chứ không phải tự nhiên mà có hoặc do phép lạ hay do ai đó tạo ra. Họ không hệ thống hóa hay giáo lý hóa hoặc giới hạn hóa cái biết của họ qua sách vở mà họ chỉ sống trọn vẹn với sự hiểu nghiệm đó một cách sinh động của đời sống.

Chỉ có **sống thực, sống trọn vẹn** với thực tại (sự việc đang diễn ra trước mắt) **mới cảm nhận được** với Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) để hội nhập, hòa đồng với thiên nhiên, vũ trụ. **Thực tại là tiêu chuẩn của chân lý.**

Mặt tiêu cực của việc chữ nghĩa hóa, hệ thống hóa thành “giáo lý” hoặc những “khuôn mẫu luân lý khô cứng” thì vô cùng tai hại vì tinh hoa văn hóa Việt, triết lý sống (Tiên Rồng) trở thành những “mô hình ngôn từ ngoại nhập” (duyên khởi, vô thường, học thuyết chính trị khuôn mẫu luân lý TU - TẾ - TRỊ - BÌNH, TAM TÔNG, TỬ ĐỨC, v.v...). Chính những mô hình ngôn từ ngoại nhập đó đã phủ kính, che đậy bên ngoài những tinh túy của nếp sống Việt, khiến đa số khoa bảng Việt Nam và một số người Việt học đòi theo khoa bảng để nhận lầm. Cho nên họ ngộ nhận “văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ tam giáo” (Nho - Lão - Phật) ... “Khởi đi từ tinh thần Nho giáo đã nảy sinh ra tình người, tình gia đình, tình xóm giềng”..” chúng ta không thể phủ nhận một thực tại lịch sử văn hóa Nho giáo trong từng dòng máu của dân tộc Việt. Chính lộ trình quá khứ này là một trong những yếu tố đã un đúc tiền nhân, cha ông ta để ngày hôm nay chúng ta có một tổ quốc, Tổ Quốc Việt Nam” ... thể hiện bản năng vọng ngoại, phạm đại tội thuộc loại cấm kỵ của dân tộc Việt Nam đối với Tổ tiên.

Nếu không có “văn hóa Nho giáo trong từng dòng máu của dân tộc Việt: thì ngày nay chúng ta không có một tổ quốc Việt Nam sao?

Nguyên nhân sâu xa nào làm cho một số người Việt Nam không nhận ra được lớp sơn ngoại nhập, phủ kín tinh túy của nếp sống Việt? Tại sao họ có cái nhìn vọng ngoại và trọng ngoại như thế?

Vì họ là người Việt, nhưng đầu óc của họ đã bị Tàu hóa, Phật giáo hóa (hoặc Max - xít hóa...); họ đã bị sách vở kinh điển hóa. **Họ sống bằng cái đầu**; cái mà họ cần là **triết lý kiên viện**, triết lý “Tử” chứ không phải **triết lý sống**. Cho nên phải có một tử nào đó (Không Tử, Mạnh Tử, Lão Tử...) họ mới nuốt trôi, đầu óc họ mới thỏa mãn. **Họ sống bằng cái đầu.** Họ không sống thực với chính mình, với thực tại, với sự việc đang diễn ra trước mắt, sống với cái đầu nghĩa là sống với sách vở kinh điển, sống với các “Tử”, xa rời cuộc sống thực tế để đánh mất tính người và tình người.

Tóm lại, đầu óc họ đã bị khuôn mẫu hóa bởi các “Tử” hay nói khác đi bởi sách vở kinh điển. **Họ không sống thực**. Chỉ có sống thực, sống trọn vẹn với thực tại mới **ý thức tự chủ** (để cảm nhận với thiên nhiên) và **sáng tạo** (để linh hoạt theo đời sống).

Đáng tiếc là một số được gọi trí thức Việt Nam, thậm chí những người tự nguyện tham gia công việc nghiên cứu văn hóa Việt Nam mà trong lòng đã nghĩ sẵn rằng văn hóa Việt Nam chẳng có gì, chỉ là bản sao của văn hóa Trung quốc.

Làm sao thoát khỏi não trạng vọng ngoại và vong bản đó?

“**Chuyển hóa tâm thức**” mà khởi điểm là trở về với chính mình, với nếp sống tinh thức, tức sống thực, sống trọn vẹn với thực tại, qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở để thay đổi cái nhìn theo chiều kích tâm linh (phát triển tình thương và trí tuệ) với định hướng biến hóa, thăng hoa, hoa đồng: Hòa vào dòng sống và cùng vũ trụ. (xem Chuyển Hóa Tâm Thức Trong Nền Văn Hóa Việt - Tủ Sách Việt Thường)

Cụ thể, điều trước tiên là cần rũ bỏ thói quen coi văn hóa Việt Nam là bản sao của văn hóa Trung Hoa, đạo Phật là đạo của dân tộc đã ăn sâu vào tim thức từ lâu đời.

Việc thứ hai, cập nhật hóa những khám phá mới dưới ánh sáng của khoa học có liên quan đến văn hóa Việt Nam.

Việc thứ ba đã trình bày ở phần trên, là **thực hiện cuộc cách mạng tâm linh**, tức chuyển hóa tâm thức; dần dần mọi vấn đề sẽ được sáng tỏ. Ánh sáng đến, bóng tối tự tan biến, mọi vật hiện rõ dưới ánh sáng mặt trời.

Như vậy, **tai họa lớn nhất** mà dân tộc Việt Nam phải gánh chịu chính là những mô hình ngôn từ ngoại nhập đã **biến tinh hoa, tinh túy của nếp sống Việt** trở thành những khái niệm trong sách vở kinh điển, trên đầu môi chót lưỡi, xa rời thực tế, xa rời sự có thực trong cuộc sống, làm cho đa số người Việt, tách khỏi đời sống sinh động, đi tìm an vui hạnh phúc qua ngôn từ chữ nghĩa.

Do đó, mà quên đi lời dạy cụ thể thiết thực của ông cha chúng ta, **qua tiếng nói tâm thức của dân tộc**, phát xuất từ **sự cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất** (Thiên nhiên) được thể nghiệm (chứng minh bằng thực tế) qua kinh nghiệm sống, trong nền văn hóa trồng lúa nước. Tiếng nói tâm thức của dân tộc **diễn biến sinh động và linh hoạt**, theo thời gian. Nó không bị sơ cứng, như những khuôn mẫu không linh động của Nho giáo.

*Trông cơ trời đất liệu thời làm ăn.*

*Đắc thời đắc thế thì khôn,  
Sa cơ Ròng cũng như giun khác nào...*



*Trăm nghe không bằng mắt thấy,  
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Trông vào thực tế, dựa vào sự thật trước mắt, rồi tùy thời, tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng mà hành động, ứng xử...; không cố chấp vào những khuôn mẫu sơ cứng, không sinh động theo đời sống.

Một người ngoại quốc khác cũng nhận ra được tinh túy độc đáo của văn hóa Việt Nam. Tiến sĩ H.R.Ferraye cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính cách “không chối từ” của nó. Tự mình, nước biết “gạn đục khơi trong” như là người Việt Nam.

Thực ra, nó chỉ có một chối từ: sự đồng hóa cưỡng bức, còn lại, trong khi giao lưu với các nền văn hóa khác, nó tìm cách dung hòa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Tây Âu, Bắc Mỹ... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả nghệ thuật và tôn giáo (Trần Quốc Vương, sđd trang 44) nhưng luôn duy trì bản sắc văn hóa đặc thù riêng của mình.

Cơ cấu văn hóa Việt Nam dựa trên nền tảng nghề trồng lúa nước bản địa, tự lâu đời trước khi tiếp xúc với tam giáo hàng mấy ngàn năm. Văn hóa Việt Nam, văn hóa xóm làng, văn minh sông Hồng và văn minh Trung Quốc, văn minh Hoàng Hà khác nhau tự căn bản, từ cội nguồn (Xem sự khác biệt giữa văn hóa Việt nam và văn hóa Trung Quốc ở phần trên)

Xin mượn lời của một sử gia người Anh, học giả Hồ Hữu Tường và nhà cách mạng Nguyễn An Ninh để thay lời kết của bài này:

Ông Toynbee, người Anh đã viết bộ sách lớn của ông là A Study of History rằng: Từ cổ chí kim có 29 nền văn minh. Nhưng khi viết đến cuốn cuối thì ông phải sửa lại là có 32 nền văn minh. Và nền văn minh Việt Nam nằm ngang với các nền văn minh khác như Trung Hoa, Ấn Độ, La mã, Hy Lạp.

*Nói đến sự trường tồn của một giống nòi, trước hết phải nói đến văn hóa, nói đến sức sống của dân tộc, của giống nòi đó, nghĩa là tất cả những tiềm năng mà dân tộc đó đã để lại dấu ấn sâu đậm và tỏa sáng chói lọi trên tiến trình lịch sử của mình. Và người Việt Nam đã từng có sức sáng tạo nên một nền văn hóa như vậy*

*Nguyễn An Ninh (Ước Mơ Của Chúng Ta)*

*...Dân tộc nào để cho văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự, vì văn hóa là linh hồn của một dân tộc...*

*Nguyễn An Ninh (Lý tưởng của thanh niên Việt Nam)*

*“Tôi muốn cất tiếng kêu to. Kêu thật to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. Thực đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt”*

*Hồ Hữu Tường (Trích Tương Lai Văn Hóa Việt Nam, in lần thứ ba, Huệ Minh, Sài Gòn 1965)*

*Vĩnh Như  
Tủ Sách Việt Thường  
www.tusachvietthuong.org*

### **Ghi Chú:**

1-Trên một mảnh sành chỉ nhỏ có một inch vuông, chúng tôi thấy dấu vết vỏ một hạt thóc Oriza Sativa. Dùng carbon - 14 định tuổi những đồ vật bị vùi ở lớp đất trên lớp đất vùi mảnh sành, chúng tôi biết mảnh sành và hạt lúa đã có ít nhất 3.500 năm trước Tây lịch. Như vậy hạt lúa này có trên 1000 năm sớm hơn lúa khai quật được ở Ấn Độ hay Trung Quốc là nơi mà một số nhà khảo cổ cho rằng lúa đã được thuần hóa đầu tiên trên trái đất.

... Tôi (tiến sĩ Solheim II) nghĩ rằng nền văn hóa Longson (Lungshao) không phát sinh từ Ngưỡng Thiều (Yangshao) ở miền Bắc Trung Hoa mà phát sinh từ miền Nam Trung Hoa rồi lan lên phía Bắc. Cả hai nền văn hóa Longson và Ngưỡng Thiều đều bắt nguồn từ nền văn hóa Hòa Bình.

2- Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt thường, năm 2000, trang 35-36.

3- Không có tộc Hán. Hạng Vũ phong cho Lưu Bang làm Hán Vương giữ đất Ba Thục và đất Hán Trung. Sau đó xảy ra chiến tranh giữa Hạng Vũ (Tây Sở Bá Vương) và Lưu Bang (Hán Vương). Kết cuộc Hán Vương Lưu Bang đoạt được thiên hạ.

Năm 206 trước Tây lịch, Hạng Vũ chết, Lưu Bang xưng đế, tức Hán Cao Tổ. **Dân trong nước do Hán vương cai trị thì gọi là dân Hán.** Rồi theo thói quen nên gọi là dân Hán, tộc Hán, trước đó **Tần** Doanh Chính (Tần Thủy Hoàng) đoạt được thiên hạ thì gọi là **dân Tần**. Người tây phương phiên âm chữ “Tần” là “China” hoặc “Chine”. Điều ấy cho thấy đầu óc dân trong nước mà ngày nay gọi là Trung Hoa nhất là giới thống trị, **vẫn còn mang dấu ấn gốc du mục.** Người đứng đầu bộ lạc coi dân trong bộ lạc là vật sở hữu của mình, người dân cũng nghĩ như thế. Tề Hoàn Công là vua nước Tề và dân Tề; Tần Thủy Hoàng là vua nước Tần và dân Tần; Hán Vương làm vua nước Hán và dân Hán, v...v...; Xem thêm chi tiết Khổng Tử Và Các Nho Gia Khổng Môn Đã Hình Thành Dân Tộc Và Đất Nước Trung Hoa Như Thế Nào? ở phần sau.

4- Will Durant, Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Văn Nghệ, năm 1993, trang 28.

5- Bá Dương- Người Trung Quốc Xấu Xí, Nguyễn Hồi Thủ dịch, NXB Văn Nghệ, năm 1999, trang 91.